

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình
- Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp “Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh Nh, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị G có mặt, anh Nh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 12/7/2020, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày: Sau khi tìm hiểu chị và anh Nh được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống vào khoảng 1995, đến năm 2016 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 25/11/2016, chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do anh Nh sống không chung thủy với chị mà có tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm chăm sóc vợ con, trong lúc chị bị bệnh và tai nạn phải điều

trị thời gian dài, sự việc kéo dài nhiều năm, vì thương con nên chị cố chịu đựng; đến tháng 4 năm 2019 anh Nh bỏ đi, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh Nh.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Thúy Q, sinh ngày 21/12/1996 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết; Trần Thị Thúy Vi, sinh ngày 05/4/2003 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày 13/7/2011 đang sống với chị G, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con (Vi, H); không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Trần Thanh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh Nh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị G và anh Nh được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị G xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nh và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Trần Thanh Nh là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Phú 2, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nh. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2016 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài sau khi ly thân mà anh chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp với sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh Nh, chị G cư trú; do đó, chị G yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh, chị có 03 con chung tên Trần Thị Thúy Q, sinh ngày 21/12/1996 đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trần Thị Thúy Vi, sinh ngày 05/4/2003 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày 13/7/2011 đang sống với chị G, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng cho con.

Xét, từ khi ly thân đến nay 02 cháu Vi và H do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo các cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và 02 cháu đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao 02 cháu Vi và H cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; anh Nh không phải cấp dưỡng cho con; chị G phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Nh đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng chị G không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị G và anh Nh phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh Nh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Trần Thanh Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị G và anh Trần Thanh Nh không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thúy Vi, sinh ngày 05/4/2003 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày 13/7/2011 đến thành niên hoặc tự lập được; anh Trần Thanh Nh không phải cấp dưỡng cho con.

Đối với con chung tên Trần Thị Thúy Q, sinh ngày 21/12/1996 đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Chị G phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Nh đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị G không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006885 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Anh Trần Thanh Nh không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND phường Long Phú, thị xã Tân Châu và UBND xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyên